

Bản án số: **88/2022/DS-ST**

Ngày: 05/9/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thành
2. Ông Trần Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 04/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-DS ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q Việt Nam

Trụ sở tại: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S- 111A P, Phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện theo Pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc TTQLN KHCN, Khối Quản trị rủi ro (Giấy ủy quyền số: 3.0141.17 ngày 16/01/2017 của TGD Ngân hàng TMCP Q Việt Nam)

Người được ủy quyền lại: ông Đoàn Minh T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị N (Giấy ủy quyền ngày 30/8/2022) (ông T2 có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: Tập thể gạch Đ, T, T, Hà Nội

Chỗ ở: Nhà số 20, dãy A2, ngõ 1, Cầu B, T, T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam trình bày:*

Ngày 29/08/2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam ký với Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ Hợp đồng tín dụng số 5.675.18.866 với nội dung: Ngân hàng TMCP Q Việt Nam cho Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ vay số tiền 367.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F - 346.05, theo Hợp đồng mua bán số 1808.139/HĐTĐ-CNV, Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 30/08/2018 đến ngày 29/06/2026: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,99%/năm được áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm; Trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 16 mỗi tháng trả 3.830.000 đồng, Trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 16, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 16/09/2018. Ngày 29/08/2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đã giải ngân cho Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5.675.18.866 với số tiền 367.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của anh Hà, chị Đ và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh H, chị Đ đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F-346.05 được Phòng cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 497187 ngày 28/8/2018 mang tên Đ, Thanh H theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5.675.18.866 ngày 29/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và anh H, chị Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng Anh Đ, Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 17/02/2020.

Ngày 21/7/2020, Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F-346.05 của anh H, chị Đ, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ các chi phí khác là 219.030.000 đồng, được trừ vào nợ gốc của anh H, chị Đ tại Ngân hàng TMCP Q Việt Nam nên tính đến ngày 17/8/2020, anh H, chị Đ còn nợ ngân hàng số tiền: 105.204.118 đồng, trong đó: nợ gốc: 82.670.926 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.590.904 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.942.288 đồng. Từ đó đến nay, anh H, chị Đ tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 30/8/2022, Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền: 137.959.913 đồng, trong đó bao

gồm: Nợ gốc: 82.670.926 đồng, nợ lãi trong hạn: 28.547.831 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.741.156 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ trả cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền nợ nêu trên.

2. Đề nghị Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi Anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Anh Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

** Bị đơn là Anh Đặng Thanh H trình bày:*

Anh Hà xác nhận năm 2018, anh H, chị Đ đã mua xe ô tô CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F-346.05 bằng hình thức vay Ngân hàng và Ngân hàng TMCP Q Việt Nam là bên thực hiện thủ tục cho vay mua xe với số tiền vay là 367.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, do dịch bệnh Covid nên anh H không có thu nhập và đã không trả nợ ngân hàng.

Sau đó, Ngân hàng đã dùng thủ đoạn cướp chiếc xe ô tô nêu trên mà không được sự đồng ý của anh. Anh đã nói chuyện với đồng chí công an trực tại Ngân hàng nhưng không được giải quyết, nay anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh.

Chị Nguyễn Thị Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa và không có lời khai.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP Q Việt Nam giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Về việc xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F-346.05, giá bán tài sản là 230.000.000 đồng, sau khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản và các chi phí khác, số tiền thu nợ là 219.030.000 đồng. Toàn bộ số tiền này được trừ vào nợ gốc của anh Hà, chị Đào tại ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo các văn bản tín dụng các bên đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu: Năm 2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và Anh Đặng Thanh H, chị Nguyễn Thị Anh Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại các văn bản tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hồ sơ thể hiện, anh Hà, chị Đào có hộ khẩu thường trú tại tập thể gạch Đ, xã T, huyện T, Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt tại phiên tòa, chị Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 29/8/2018, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và anh H, chị Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số 5.675.18.866 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5.675.18.866. Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, khế ước nhận nợ phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 17/02/2020, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký.

Trước khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, ngân hàng TMCP Q Việt Nam đã xử lý xong tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh H, chị Đ là chiếc xe ô tô CHEVROLET, biển kiểm soát: 30F-346.05 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5.675.18.866 ngày 29/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và anh H, chị Đ. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét về hợp đồng thế chấp và tài sản bảo đảm. Anh H trình bày đã bị Ngân hàng cướp chiếc xe ô tô nêu trên, nhưng từ khi ngân hàng xử lý xe đến nay, anh H không trình báo cơ quan có thẩm quyền, không có ý kiến gì. Anh Hà đề nghị Tòa án giải quyết việc Ngân hàng cướp chiếc xe ô tô của anh là không thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp cũng không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

Ngân hàng yêu cầu anh H, chị Đ trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Qua xem xét, việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với mức lãi suất theo hợp đồng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc anh H, chị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/8/2022 là 137.959.913 đồng, trong đó: Nợ gốc: 82.670.926 đồng, nợ lãi trong hạn: 28.547.831 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.741.156 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam được chấp nhận nên anh Hà, chị Đào phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Buộc Anh Đặng Thanh H, chị Nguyễn Thị Anh Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 30/8/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 5.675.18.866 ngày 29/8/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5.675.18.866 ngày 29/8/2020 số tiền là: Nợ gốc: 82.670.926 đồng, nợ lãi trong hạn: 28.547.831 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.741.156 đồng. Tổng cộng: 137.959.913 đồng

2. Kể từ ngày 01/9/2022, anh H, chị Đ vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5.675.18.866 ngày 29/8/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5.675.18.866 ngày 29/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí:

- Anh Đặng Thanh H, chị Nguyễn Thị Anh Đ phải nộp 6.860.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền 2.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062465 ngày 15/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng